TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05- 4 -2018
"V/v tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Sơn Thị Sô Tha.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Thạch Kim Hạnh.
2. Ông Võ Văn Đầy.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Kim Riêng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú:* Ông Kim Sum – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thúy H, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2018 nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H trình bày: Vào năm 2004 do quen biết trước nên tôi và anh Bùi Văn Đ có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trước sự chứng kiến và cho phép tổ chức lễ cưới của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/2/2004. Sau ngày cưới vợ chồng về sống bên cha mẹ chồng tại ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 5 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo lắng đến cuộc sống gia đình, anh đã

có người đàn bà khác bên ngoài nên thường xuyên đánh đập tôi. Tôi vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên cố gắng chịu đựng và khuyên anh nhiều lần nhưng không thay đổi, từ đó cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, chúng tôi không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu xin được ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Tên Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Trí Th, sinh ngày 07/3/2011, tùy con muốn sống với ai thì người đó nuôi, bên còn lại phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa bằng 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn Đ trình bày: Tôi thống nhất như lời trình bày của chị H về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay theo yêu cầu của chị H thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi thống nhất có 02 người con tên Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Trí Th, sinh ngày 07/3/2011.Tôi thống nhất giao 02 người con chung cho chị Lê Thị Thúy H được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Trí Th bằng 700.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; không đồng ý cấp dưỡng cho cháu Bùi Thị Mỹ T.

Về tài sản chung nợ chung: Tôi thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của cháu Bùi Thị Mỹ Tvà Bùi Trí Th trình bày: Cha, mẹ của cháu tên Lê Thị Thúy H và Bùi Văn Đ ly hôn với nhau thì 02 cháu không có ý kiến. Nếu cha, mẹ ly hôn với nhau thì nguyện vọng của cháu T và Th được ở chung với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đ là vụ án ly hôn do nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Bùi Văn Đ theo quy định. Do bị đơn anh Bùi Văn Đ có nơi cư trú tại X, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Thúy H và anh Bùi Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/2/2004 nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh Đ thường phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, chị H nghi ngờ về tình cảm do anh Đ sống chung với người phụ nữ khác nên hai người đã ly thân từ tháng 05 năm 2016 đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H và anh Đ đều thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị H và anh Đ.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Thúy H và anh Bùi Văn Đ chung sống với nhau có 02 người con tên Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Trí Th, sinh ngày 07/3/2011. Nay chị Lê Thị Thúy H và anh Bùi Văn Đ thống nhất thuận tình ly hôn, chị Lê Thị Thúy H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Trí Th, sinh ngày 07/3/2011 đến khi đủ 18 tuổi.

[4] Xét nguyện vọng của cháu Bùi Thị Mỹ T và Bùi Trí Th cùng có nguyện vọng chung sống với chị Lê Thị Thúy H và được anh Bùi Văn Đ đồng ý giao các con chung tên Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Trí Th, sinh ngày 07/3/2011 cho chị Lê Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] *Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con mỗi tháng 1.000.000đồng/1cháu nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H chỉ yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000 đồng/1cháu đến khi đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Đ không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của chị H; anh Đ chỉ chấp nhận cấp dưỡng cho cháu Bùi Trí Tha với mức cấp dưỡng 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) đến khi cháu Th tròn 18 tuổi.

Căn cứ vào Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con: *"Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con."*

Về mức cấp dưỡng quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình như sau: *"1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế*

của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết."

Căn cứ vào mức thu nhập của lao động phổ thông được xác minh tại địa phương, nguyện vọng của các con, sự thỏa thuận của chị H và anh Đ và các căn cứ pháp lý nêu trên, Hội đồng xét xử cần tuyên giao các con chung tên Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Trí Th, sinh ngày 07/3/2011 cho chị Lê Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Buộc anh Bùi Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng)*/1 cháu đối với các cháu Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Trí Th, sinh ngày 07/3/2011, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Bùi Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dung các Điều 51, 55, 57, 58, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Lê Thị Thúy H và anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao các con chung Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Trí Th, sinh ngày 07/3/2011 cho chị Lê Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng (đây cũng là ý chí nguyện vọng của 02 cháu T và Th được sống ở với mẹ) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Bùi Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*)/1 cháu đối với các cháu Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 03/9/2005 và Bùi Trí Th, sinh ngày 07/3/2011.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Thúy H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nên được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0012947 ngày 21 tháng 2 năm 2018 nên chị H không phải nộp thêm.

Anh Bùi Văn Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thúy H và anh Bùi Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Sơn Thị Sô Tha

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện Trà Cú;
-Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
-UBND xã L;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.